

Thứ năm, ngày 13 tháng 2 năm 2020

Vietnam Daily Review

Tăng điểm phút cuối

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 14/2/2020		•	
Tuần 10/2-14/2/2020		•	
Tháng 2/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau hai phiên tăng điểm liên tiếp, sự giằng co đã quay lại với VN-Index trong phiên sáng và tiếp diễn tới phiên chiều. Sự phân hóa giữa nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với các mã tăng điểm như GAS, SAB, VIC, VPB và các mã giảm điểm như VHM, BID, HVN, MBB đã khiến cho chỉ số dao động trong biên độ hẹp quanh mốc tham chiếu trong toàn bộ thời gian giao dịch. Thị trường có phiên giao dịch đi ngược với diễn biến chung của các TTCK khác trong khu vực trong bối cảnh số ca nhiễm mới tại Trung Quốc tăng đáng kể sau khi có sự thay đổi tiêu chuẩn tính. Tuy vậy, bước tăng điểm của thị trường cũng phản ánh phần nào tâm lý tích cực của nhà đầu tư trước thông tin hai thỏa thuận thương mại EVFTA và EVIPA đã chính thức được nghị viện Châu Âu phê chuẩn, và được kì vọng sẽ được Quốc hội Việt Nam thông qua vào quý 2.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đồng loạt giảm điểm trong phiên hôm nay trái ngược với trạng thái tăng nhẹ của chỉ số. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 865 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 13/2/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm mạnh.

Danh mục i-Invest: Theme_Chiến tranh thương mại_ 0.9%. 14/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Chiến tranh thương mại** - kỳ vọng KQKD tích cực và tăng trưởng nhờ căng thẳng chiến tranh thương mại - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.9%**, con số này của VNINDEX là 0.1%.

Phân tích kỹ thuật: CSV_Mô hình hai đáy (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **+0.56 điểm**, đóng cửa 938.24. HNX-Index **-0.32 điểm**, đóng cửa 108.19.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+0.85); SAB (+0.69); VPB (+0.55); VIC (+0.39); SBT (+0.25)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-0.48); BID (-0.47); MBB (-0.17); HVN (-0.16); VNM (-0.15)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,472 tỷ đồng**, -23% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 4.63 điểm. Thị trường có 146 mã tăng, 76 mã tham chiếu và 185 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **23.18 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm STK (13.14 tỷ), CTG (13.07 tỷ) và MSN (8.71 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **2.95 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

938.24

Giá trị: 2472.28 tỷ

0.56 (0.06%)

Khối ngoại (ròng): -23.18 tỷ

HNX-INDEX

108.19

Giá trị: 399.73 tỷ

-0.32 (-0.29%)

Khối ngoại (ròng): 2.95 tỷ

UPCOM-INDEX

56.17

Giá trị: 0.31 tỷ

0.26 (0.47%)

Khối ngoại(ròng): 7.32 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	50.8	-0.66%
Giá vàng	1,575	0.54%
Tỷ giá USD/VND	23,239	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,369	0.04%
Tỷ giá JPY/VND	21,168	0.34%
LS liên NH 1 tháng	3.0%	2.17%
LS TPCP 5 năm	2.0%	-5.80%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	15.4	STK	13.1
GASS	8.1	CTG	13.1
VHM	6.5	MSN	8.7
VCB	5.7	KBC	7.2
VJC	5.4	HPG	7.1

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **14/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Chiến tranh thương mại** - kỳ vọng KQKD tích cực và tăng trưởng nhờ căng thẳng chiến tranh thương mại - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.9%**, con số này của VNINDEX là 0.1%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **15/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**
- **6/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Chiến tranh thương mại_0.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Chiến tranh thương mại	0.9%	2.4%	-1.5%	-8.2%	-15.0%	-3.9%	5.4%	15.6%
Lãi suất giảm	0.8%	4.7%	4.8%	-3.8%	-3.2%	-0.2%	51.4%	18.0%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.7%	2.5%	2.0%	0.9%	-2.0%	6.0%	42.7%	14.5%
Nước & Năng lượng	0.6%	4.0%	-2.2%	-9.7%	-7.8%	-5.4%	37.1%	14.5%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.5%	0.3%	0.6%	-9.9%	-2.3%	-0.5%	47.5%	14.5%
Hàng tiêu dùng	0.4%	1.3%	-2.6%	-14.6%	-12.9%	-4.9%	42.0%	17.5%
Ngân hàng	0.3%	0.6%	10.4%	4.6%	20.9%	24.6%	86.9%	21.7%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.2%	-0.3%	2.5%	-3.3%	6.1%	26.6%	97.3%	19.3%
Dầu khí	0.2%	1.3%	-9.1%	-16.1%	-17.1%	-7.9%	7.7%	22.7%
BĐS & Khu công nghiệp	0.2%	2.5%	-2.0%	-9.1%	-6.7%	0.4%	47.1%	16.4%
VN FinSelect	0.1%	0.3%	8.1%	-0.6%	12.9%	7.6%	39.5%	17.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.1%	0.0%	-2.9%	-10.3%	-5.7%	0.6%	67.9%	13.7%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.1%	0.4%	9.8%	1.3%	16.1%	11.7%	46.3%	19.4%
VN Diamond	0.1%	1.0%	2.9%	-5.9%	5.2%	12.5%	60.5%	17.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.0%	-0.2%	-0.5%	-7.6%	-0.9%	7.9%	55.4%	15.3%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.0%	0.8%	1.2%	-7.2%	2.9%	10.8%	63.3%	17.3%
FTSE Việt Nam	-0.1%	-0.9%	-2.9%	-9.8%	-4.8%	1.7%	76.7%	14.9%
Xây dựng	-0.3%	5.4%	0.4%	-14.3%	-15.6%	-21.3%	1.9%	18.4%
Vật liệu Xây dựng	-0.4%	-1.0%	0.0%	-7.4%	-4.2%	3.7%	2.9%	18.7%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.6%	0.0%	-4.2%	-13.4%	-14.1%	-14.2%	31.6%	21.1%
Ngành Dược	-1.2%	2.7%	8.7%	1.3%	6.9%	11.9%	43.0%	17.6%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 5	0.9%	0.4%	-3.0%	-7.2%	-5.5%	3.9%	61.0%	18.6%
Danh mục 12	0.8%	0.6%	-1.7%	-7.0%	-0.1%	15.1%	58.2%	16.9%
Danh mục 14	0.6%	2.2%	1.9%	-6.1%	1.7%	13.4%	59.8%	16.0%
Danh mục 10	0.0%	1.4%	-1.6%	-7.2%	0.5%	22.0%	75.5%	17.0%
Danh mục 13	-0.1%	0.8%	-1.0%	-8.7%	-2.3%	11.2%	59.9%	15.5%

* Note **15/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 24	0.8%	0.9%	2.0%	-4.2%	3.6%	16.3%	56.4%	19.2%
Danh mục 21	0.4%	1.7%	-0.4%	-7.3%	0.3%	10.2%	52.8%	15.8%
Danh mục 19	0.3%	1.1%	-1.8%	-6.3%	-0.2%	12.7%	53.1%	15.3%
Danh mục 25	0.1%	0.1%	-1.1%	-6.7%	-0.9%	19.6%	95.9%	16.8%
Danh mục 22	0.0%	1.2%	-0.5%	-5.9%	2.8%	24.4%	64.5%	16.7%

* Note **6/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

INDEX								
VNINDEX	0.1%	0.0%	-1.1%	-8.2%	-3.8%	1.3%	33.4%	15.4%
VN30INDEX	0.1%	0.2%	-0.1%	-8.5%	-2.0%	-1.7%	32.3%	15.8%

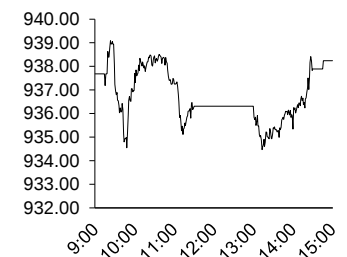
*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH
2/13/2020
Vietnam Daily Review

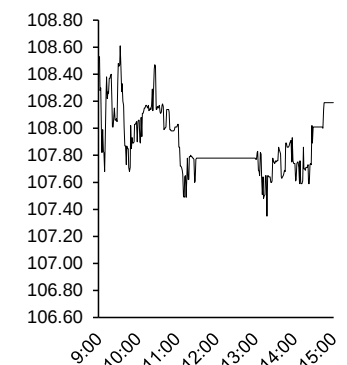
Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	3.0%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.3%
Ô tô và phụ tùng	0.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.7%
Xây dựng và Vật liệu	0.6%
Dầu khí	0.5%
Thực phẩm và đồ uống	0.4%
Hóa chất	0.2%
Dịch vụ tài chính	0.2%
Công nghệ Thông tin	0.2%
Tài nguyên Cơ bản	0.1%
Viễn thông	0.0%
Bất động sản	0.0%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.0%
Ngân hàng	-0.1%
Du lịch và Giải trí	-0.4%
Bảo hiểm	-0.5%
Bán lẻ	-0.6%
Y tế	-1.3%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

CSV_Mô hình hai đáy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên mốc 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: CSV đang có sự hồi phục trở lại sau khi đã tích lũy tại khu vực 20-22 trong 4 tháng qua. Hôm nay, thanh khoản tăng cao đã đẩy giá cổ phiếu vượt mốc 22.3 để chính thức thiết lập mô hình hai đáy khởi đầu cho một quá trình tăng mới. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đều ở trong trạng thái tích cực. Chỉ báo RSI đang tăng dần trên mốc 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua cho thấy dư địa tăng ngắn hạn vẫn còn. Ngưỡng kháng cự gần nhất của cổ phiếu nằm tại khu vực xung quanh 23. Theo đánh giá của chúng tôi, CSV tiềm năng sẽ tiếp cận trở lại vùng giá 24-25 trong vài tuần nữa.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_ Hồi phục

[Link](#)

FPT_ Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_ Hồi phục

[Link](#)

HPG_ Tăng giá

[Link](#)

NVL_ Tăng giá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 13/2/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 13/2	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	51.50	0.64%	1.08%	-11.33%	-8.98%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	56.03	0.43%	2.00%	-12.05%	-14.74%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	159.10	0.63%	6.21%	-4.42%	4.39%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1570.33	0.27%	0.23%	1.55%	18.16%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.57	0.48%	-1.41%	-1.30%	10.27%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	893.50	0.11%	1.42%	-5.17%	-8.19%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	548.75	0.05%	-0.86%	-2.83%	-2.14%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.26	-17.00%	17.00%	-0.17%	9.17%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	182.30	184.00%	417.00%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	15.06	0.13%	3.79%	7.04%	7.65%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	102.75	0.20%	2.90%	-15.29%	-13.73%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5764.00	0.33%	0.73%	-8.36%	-5.89%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3402.00	-0.06%	3.25%	-4.15%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1737.00	0.17%	1.16%	-3.39%	-6.61%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	622.50	1.30%	6.50%	-6.25%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	70.25	-0.35%	-1.82%	-8.65%	-23.56%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent dầu thô Brent tăng 1.78 USD hay 3.3% lên 55.79USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 1.23 USD/thùng hay 2.5% lên 51.17 USD/thùng. Dầu tăng hơn 3% do Trung Quốc báo cáo số người nhiễm virus corona mới một ngày thấp nhất kể từ cuối tháng 1, khiến nhà đầu tư hy vọng nhu cầu nhiên liệu tại nước tiêu thụ dầu lớn thứ 2 thế giới có thể bắt đầu hồi phục.
- Giá dầu tăng ngay cả khi Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ báo cáo tồn trữ dầu thô của nước này tăng 7.5 triệu thùng trong tuần trước cao hơn dự kiến tăng 3 triệu thùng. Tồn trữ xăng bất ngờ giảm cho thấy nhu cầu xăng đang bắt đầu phục hồi. Lợi nhuận sản xuất xăng của Mỹ tăng lên mức cao nhất kể từ tháng 8/2019 do giá tăng tăng mạnh 4.4%.
- Ngày 12/2 OPEC đã hạ dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu toàn cầu 230,000 thùng/ngày do virus corona, mức giảm khiêm tốn so với các dự báo khác. Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ đã hạ bớt dự báo tăng trưởng nhu cầu 310,000 thùng/ngày trong năm nay.

Giá vàng

- Vàng giao ngay Vàng giao ngay ổn định tại 1,567.77 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4/2020 tăng 0.1% lên 1,571.6 USD.
- Trong phiên vừa qua vàng đã giảm xuống mức thấp nhất gần một tuần, do nhu cầu tài sản rủi ro của nhà đầu tư phục hồi bởi số ca nhiễm virus mới giảm đi, mặc dù lo ngại về khả năng ảnh hưởng của sự bùng phát dịch bệnh tới nền kinh tế vẫn còn hiện hữu.
- Cũng hạn chế nhu cầu đối với vàng là USD mạnh gần mức cao nhất trong 4 tháng so với rổ các đồng tiền chính khiến giá vàng đắt hơn cho người mua bằng các đồng tiền khác.

Giá sắt thép

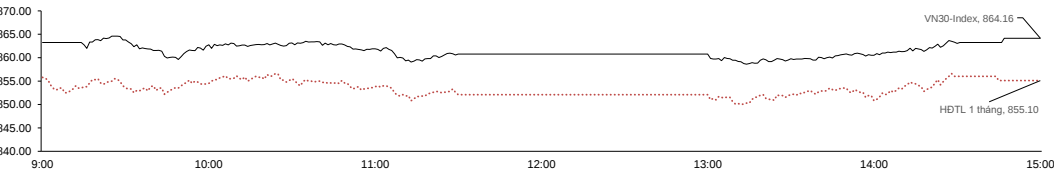
- Hợp đồng quặng sắt được giao dịch nhiều nhất trên sàn giao dịch Đại Liên tăng khoảng 3.6% lên 622 CNY (89.3 USD)/tấn. Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây tăng 0.3% trong khi thép cuộn cán nóng tăng 0.5%.
- Giá quặng sắt Trung Quốc đạt mức cao nhất trong 3 tuần do số lượng ca nhiễm virus corona mới tại nước này tiếp tục giảm và công ty khai khoáng Vale SA giảm mạnh sản lượng nguyên liệu thô để sản xuất thép trong quý 4/2019. Công ty Vale đã báo cáo sản lượng quặng sắt quý 4/2019 giảm 22.4% so với năm trước, làm đẩy lên lo ngại về nguồn cung tại Trung Quốc, nhà sản xuất thép hàng đầu thế giới.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 2.2% lên 15.76 US cent/lb. Đường trắng giao cùng kỳ hạn tăng 2.9% lên 449.9 USD/tấn.
- Các đại lý cho biết giá có thể tăng tiếp và mức giá này vẫn quá rẻ trong bối cảnh dự báo thiếu hụt, mặc dù cảnh báo thị trường bị bán quá nhiều theo yếu tố kỹ thuật có thể gây ra việc điều chỉnh trong ngắn hạn.
- Cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2020 tăng 0.29% lên 1.029 USD/lb. Cà phê Robusta kỳ hạn tháng 5/2020 giảm 1% xuống 1,286 USD/tấn.
- Dự trữ gia tăng mạnh mẽ trên sàn ICE trong tháng 1 đã giảm đi, giúp củng cố giá arabica. Nhà sản xuất cà phê Brazil đã xuất khẩu 2.9 triệu bao loại 60 kg/bao trong tháng 1, giảm 9.9% so với một năm trước.
- Việt Nam, nhà xuất khẩu cà phê robusta hàng đầu thế giới đã xuất khẩu 2.4 triệu bao cà phê trong tháng 1, giảm 22.9% so với tháng trước đó.

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2002	855.10	-0.18%	-9.06	2.0%	131133	2/20/2020	7
VN30F2003	854.50	-0.44%	-9.66	-5.5%	427	3/19/2020	35
VN30F2006	860.00	-0.23%	-4.16	26.9%	85	6/18/2020	126
VN30F2009	857.00	-0.65%	-7.16	31.4%	46	9/17/2020	217

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng 0.93 điểm lên mức 864.16 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, SBT, SAB, VIC và ROS tác động mạnh đến trạng thái tăng của VN30. Chỉ số VN30 ở dưới mốc tham chiếu trong suốt thời gian giao dịch nhưng đã tăng nhẹ vào cuối phiên. VN30 có thể sẽ tiếp tục đi ngang trong những phiên tới.

• Các HĐTL đồng loạt giảm điểm trong phiên hôm nay trái ngược với trạng thái tăng nhẹ của chỉ số. Xét về khối lượng giao dịch, hầu hết các hợp đồng đều tăng, trừ VN30F2003 là giảm. Bên cạnh đó, chỉ duy nhất VN30F2002 giảm về vị thế mở, còn các hợp đồng còn lại đều tăng. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của thị trường phái sinh trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 865 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CROS2001	KIS	6/19/2020	127	4:1	304,380	-20.3%	10.0 triệu	42.72%	1,500	230	15.00%	-	4.16
CFPT1906	HSC	4/8/2020	55	5:1	60,260	20.3%	5.0 triệu	22.53%	1,700	700	6.06%	168.40	1.19
CVPB2001	HSC	6/22/2020	130	2:1	28,600	-26.6%	5.0 triệu	24.60%	1,500	3,920	4.81%	3,283.70	2.75
CVRE1903	KIS	5/15/2020	92	2:1	196,720	131.3%	4.0 triệu	25.36%	2,700	960	1.05%	349.30	1.00
CVPB1901	VND	3/5/2020	21	1:1	101,810	-20.6%	2.0 triệu	24.60%	3,500	8,280	0.49%	8,249.10	2.03
CFPT1908	MBS	6/17/2020	125	3:1	181,340	8.7%	2.4 triệu	22.53%	3,150	2,140	0.00%	1,052.80	2.56
CVRE1902	HSC	4/8/2020	55	4:1	179,310	332.7%	5.0 triệu	25.36%	1,300	620	0.00%	242.40	2.08
CFPT1905	SSI	4/22/2020	69	1:1	23,830	-69.0%	1.0 triệu	22.53%	9,900	3,700	0.00%	1,780.10	1.18
CHDB2002	MBS	4/10/2020	57	2:1	126,160	-36.3%	1.5 triệu	23.43%	1,950	2,220	-0.45%	1,888.50	2.27
CMWG2002	MBS	4/24/2020	71	10:1	94,730	-78.0%	2.0 triệu	23.38%	1,950	1,380	-0.72%	608.90	1.84
CHPG1909	KIS	5/15/2020	92	2:1	166,840	-28.8%	5.0 triệu	26.71%	1,800	1,040	-1.89%	566.70	1.17
CHPG1907	SSI	4/22/2020	69	1:1	117,690	35.7%	1.0 triệu	26.71%	4,200	3,960	-2.22%	3,370.40	2.41
CPNJ2001	MBS	4/24/2020	71	5:1	335,090	-25.1%	2.0 triệu	22.01%	2,200	1,440	-2.70%	596.60	3.03
CREE1905	MBS	6/17/2020	125	3:1	295,800	14.3%	2.4 triệu	23.74%	2,150	1,400	-3.45%	461.80	2.37
CTCB2001	HSC	6/22/2020	130	2:1	28,000	-23.1%	5.0 triệu	23.06%	1,700	1,370	-4.20%	577.90	1.77
CSTB2001	KIS	6/19/2020	127	1:1	318,890	213.2%	5.0 triệu	21.87%	1,500	1,860	-4.62%	1,049.20	1.42
CTCB1902	VND	6/5/2020	113	1:1	40,240	-12.8%	2.0 triệu	23.06%	5,300	3,120	-4.88%	2,196.60	2.27
CMBB1903	SSI	4/22/2020	69	1:1	173,250	764.1%	3.0 triệu	20.43%	4,000	1,580	-5.95%	695.40	110.53
CMSN1902	KIS	5/15/2020	92	5:1	432,630	-3.5%	2.0 triệu	26.73%	1,640	210	-8.70%	1.90	4.40
CMBB1905	HSC	4/8/2020	55	2:1	10,760	-96.0%	5.0 triệu	20.43%	1,700	580	-14.71%	131.90	6.53
CVNM1906	VND	3/5/2020	21	2:1	46,620	142.4%	1.0 triệu	19.82%	8,100	850	-15.00%	130.10	
Tổng:					3,262,950		71.30 triệu	24.36%**					
Chú thích:					Bảng báo gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 13/2/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm mạnh.

• Về giá, CVNM1906 và CMBB1905 giảm mạnh lần lượt là -15.00% và -14.71%. Thanh khoản thị trường giảm -23.10%. CMSN1902 tiếp tục có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.05% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HDB, HPG, VHM và VPB, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2001 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2001 và CVPB2002 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2 Top tăng điểm VN30			
CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	26.60	2.90	1.75
SBT	21.10	6.84	0.49
VIC	112.40	0.36	0.25
ROS	9.86	6.94	0.22
GAS	87.50	1.74	0.20

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3 Top giảm điểm VN30			
CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MBB	21.4	-1.15	-0.48
MWG	108.0	-0.92	-0.40
VHM	86.0	-0.58	-0.26
HPG	23.7	-0.42	-0.23
VNM	106.9	-0.28	-0.23

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CROS2001	32,468	26,468	9,860
CFPT1906	65,500	57,000	54,300
CVPB2001	23,000	20,000	26,600
CVRE1903	41,189	35,789	31,450
CVPB1901	21,500	18,000	26,600
CFPT1908	63,450	54,000	54,300
CVRE1902	37,700	32,500	31,450
CFPT1905	64,900	55,000	54,300
CHDB2002	29,900	26,000	29,200
CMWG2002	129,500	110,000	108,000
CHPG1909	28,280	24,680	23,700
CHPG1907	25,200	21,000	23,700
CPNJ2001	94,500	83,500	82,500
CREE1905	41,050	34,600	34,800
CTCB2001	26,400	23,000	22,600
CSTB2001	12,499	10,999	11,500
CTCB1902	26,300	21,000	22,600
CMBB1903	26,000	22,000	21,400
CMSN1902	86,089	77,889	50,200
CMBB1905	26,400	23,000	21,400
CVNM1906	130,225	114,025	106,900

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	108.0	-0.9%	0.7	2,128	1.9	8,655	12.5	3.9	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	82.5	0.0%	1.2	808	1.4	5,327	15.5	4.1	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	57.5	0.0%	1.3	1,856	0.4	1,632	35.2	2.2	29.5%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	31.7	-0.9%	0.7	319	0.1	2,859	11.1	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	112.4	0.4%	0.9	16,530	1.4	2,268	49.6	5.0	14.7%	11.7%
VRE	Bất động sản	31.5	0.6%	1.1	3,107	1.2	1,253	25.1	2.7	33.0%	10.3%
NVL	Bất động sản	54.5	0.2%	0.8	2,297	1.1	3,563	15.3	2.4	6.7%	16.3%
REE	Bất động sản	34.8	0.1%	1.0	469	1.0	5,286	6.6	1.0	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	12.7	-0.8%	1.6	289	0.7	2,849	4.5	0.9	43.5%	20.3%
SSI	Chứng khoán	17.6	-1.1%	1.4	396	1.0	1,708	10.3	0.9	55.0%	9.4%
VCI	Chứng khoán	27.7	1.1%	1.0	198	0.0	4,218	6.6	1.1	35.6%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.8	-1.1%	1.8	249	0.7	1,421	13.2	1.3	55.4%	11.7%
FPT	Công nghệ	54.3	0.4%	0.9	1,601	2.4	4,225	12.9	2.6	49.0%	21.6%
FOX	Công nghệ	44.9	0.4%	0.4	486	0.0	4,156	10.8	2.7	0.2%	27.7%
GAS	Dầu khí	87.5	1.7%	1.5	7,281	1.0	6,096	14.4	3.4	3.7%	25.5%
PLX	Dầu khí	53.3	0.8%	1.5	2,760	1.2	3,495	15.2	2.8	13.4%	19.6%
PVS	Dầu khí	16.4	-0.6%	1.4	341	1.0	1,529	10.7	0.6	20.8%	8.5%
BSR	Dầu khí	7.8	0.0%	0.8	1,051	0.3	1,163	6.7	0.8	41.1%	11.0%
DHG	Dược	96.0	-3.5%	0.5	546	0.2	4,668	20.6	3.7	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	12.0	-0.4%	0.7	204	0.1	902	13.3	0.6	18.8%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.1	0.3%	0.6	140	0.1	683	8.9	0.5	2.2%	5.5%
VCB	Ngân hàng	89.3	-0.1%	1.3	14,400	2.5	5,004	17.8	3.9	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	50.4	-0.8%	1.7	8,813	1.3	2,398	21.0	2.7	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	27.3	0.2%	1.6	4,411	11.2	2,541	10.7	1.3	29.7%	13.1%
VPB	Ngân hàng	26.6	2.9%	1.2	2,819	4.2	3,370	7.9	1.5	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	21.4	-1.2%	1.1	2,184	6.2	3,480	6.1	1.3	20.9%	22.1%
ACB	Ngân hàng	25.5	-0.4%	1.2	1,837	4.2	3,686	6.9	1.5	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	41.1	-0.5%	0.8	146	0.2	5,165	8.0	1.3	80.6%	16.5%
NTP	Nhựa	29.0	0.0%	0.3	124	0.1	4,167	7.0	1.1	20.0%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.9	-0.7%	1.1	641	0.0	732	20.4	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.7	-0.4%	1.0	2,845	5.4	2,581	9.2	1.4	38.6%	17.0%
HSG	Thép	7.9	0.0%	1.8	145	1.8	1,161	6.8	0.6	18.3%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	106.9	-0.3%	0.8	8,094	3.3	5,478	19.5	6.8	58.7%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	191.0	0.0%	0.8	5,325	0.6	7,477	25.5	6.5	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	50.2	-0.6%	1.2	2,551	1.2	4,772	10.5	1.4	38.9%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	21.1	6.8%	0.4	538	2.4	508	41.6	1.7	6.4%	3.5%
ACV	Vận tải	59.9	0.0%	0.8	5,670	0.2	2,630	22.8	4.2	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	129.2	0.0%	1.1	2,943	2.0	7,889	16.4	4.4	19.5%	28.7%
HAV	Vận tải	27.5	-1.4%	1.7	1,696	0.8	1,640	16.8	2.2	10.0%	12.8%
GMD	Vận tải	19.5	1.8%	0.9	252	0.7	1,595	12.2	0.9	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	13.6	0.0%	0.5	166	0.2	2,421	5.6	0.9	31.8%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	75.6	3.4%	1.1	526	1.6	8,824	8.6	3.5	2.4%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	17.7	0.6%	0.7	345	0.2	1,454	12.2	1.3	13.3%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.4	0.0%	0.8	238	0.0	1,953	7.3	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	64.3	-1.1%	0.9	213	0.4	8,858	7.3	0.6	46.8%	8.2%
VCG	Xây dựng	25.1	0.0%	1.0	482	0.0	1,567	16.0	1.6	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	23.8	-0.4%	0.4	256	0.2	1,750	13.6	1.1	50.7%	8.8%
POW	Điện	10.6	0.0%	0.6	1,074	1.4	1,064	9.9	0.9	13.0%	9.7%
NT2	Điện	21.1	-0.7%	0.5	263	0.1	2,577	8.2	1.5	18.6%	19.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	87.50	1.74	0.84	272240.00
VPB	26.60	2.90	0.54	3.72MLN
VIC	112.40	0.36	0.39	285340.00
SBT	21.10	6.84	0.23	2.65MLN
PLX	53.30	0.76	0.15	506100.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	75.60	3.42	0.08	481300.00
TVC	26.40	10.00	0.08	419800.00
VIF	19.30	7.22	0.05	100.00
SLS	53.00	9.96	0.03	32400.00
PVX	1.00	11.11	0.02	1.92MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-0.49	421050.00	1.11MLN
BID	0.00	-0.47	578820.00	607060.00
MBB	0.00	-0.17	6.58MLN	373600.00
HVN	0.00	-0.17	671580.00	192700.00
VNM	0.00	-0.15	713560.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	25.50	-0.39	-0.16	3.77MLN
SHB	7.20	-1.37	-0.13	11.59MLN
NVB	9.00	-1.10	-0.04	2.53MLN
VNR	18.00	-9.09	-0.04	500.00
API	18.60	-9.71	-0.03	900.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HSL	6.12	6.99	0.00	44800.00
YEG	45.90	6.99	0.03	44500.00
PTC	5.06	6.98	0.00	20.00
RIC	5.99	6.96	0.00	2600.00
AMD	2.00	6.95	0.01	6.94MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVX	1.00	11.1	0.02	1.92MLN
TVC	26.40	10.0	0.08	419800.00
SLS	53.00	10.0	0.03	32400.00
CAN	20.00	9.9	0.00	3500.00
VCR	11.30	9.7	0.02	490300.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SMA	13.95	-7.00	-0.01	10.00
VID	4.65	-7.00	0.00	70.00
LMH	2.40	-6.98	0.00	2.97MLN
UDC	3.96	-6.82	0.00	4150.00
SFC	21.90	-6.81	-0.01	220.00

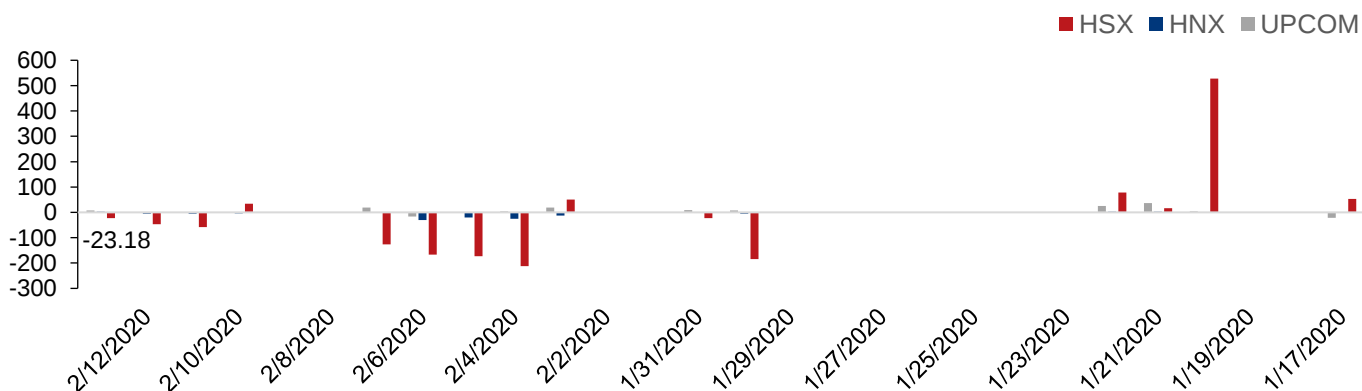
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
QNC	1.80	-10.00	0.00	500.00
SPI	0.90	-10.00	0.00	24200.00
NBW	34.40	-9.95	-0.01	100.00
API	18.60	-9.71	-0.03	900.00
TXM	2.80	-9.68	0.00	16100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
3	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
4	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
5	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
10	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
11	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
17	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
18	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
19	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	DHG	Y tế	Theo dõi	2/3/2020	93.0	n/a	96.0	4,668	20.6	3.7	Click
2	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	29.5	5,020	5.9	1.4	Click
3	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	82.5	5,327	15.5	4.1	Click
4	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	13.6	2,421	5.6	0.9	Click
5	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	168.0	29,035	5.8	4.6	Click
6	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	13.5	0	38.5	0.4	Click
7	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	108.0	8,655	12.5	3.9	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	25.5	3,686	6.9	1.5	Click
9	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.3	2,736	4.5	0.7	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	22.6	2,881	7.8	1.3	Click
11	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
12	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	89.3	5,004	17.8	3.9	Click
13	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	28.3	7,028	4.0	1.5	Click
14	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	54.3	4,225	12.9	2.6	Click
15	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	27.4	3,897	7.0	1.2	Click
16	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	15.7	2,236	7.0	0.7	Click
17	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	29.5	2,846	10.4	0.6	Click
18	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	50.2	4,772	10.5	1.4	Click
19	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	106.9	5,478	19.5	6.8	Click
20	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	21.1	3,700	5.7	1.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu)
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn